ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TIỀN GIANG
Mã QHNS: 1012141

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN THU - CHI CÁC NGUỒN KINH PHÍ TẠI ĐƠN VỊ
Tháng 08 năm 2026

1. DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO

Mã nguồn NSNN	Kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán giao bổ sung	Dự toán được điều chỉnh trong năm	Tổng dự toán giao năm 2026	Dự toán đã sử dụng		Dự toán còn lại
						Tháng 08/2026	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
12	0	29.483.408.000	75.840.000	-16.684.286.000	12.874.962.000	-7.403.213.858	6.552.446.850	6.322.515.150
13	1.932.114.169	0	0	16.599.692.800	18.531.806.969	10.083.516.500	10.083.516.500	8.448.290.469
18		712.800.000		0	712.800.000		0	712.800.000
Cộng	**1.932.114.169**	**30.196.208.000**	**75.840.000**	**-84.593.200**	**32.119.568.969**	**2.680.302.642**	**16.635.963.350**	**15.483.605.619**

2. TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC: 3713.0.1012141

STT	CÁC LOẠI TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
2.1	+ Quỹ Khen thưởng (94005)	165.506	-		165.506	
2.2	+ Quỹ Phúc lợi (94006)	487.210	-	-	487.210	
2.3	+ Quỹ bổ sung thu nhập (94007)	120.041.475	-	-	120.041.475	
2.4	+ Quỹ PTHĐSNo (94001)	51.919.963	-	5.197.928	46.722.035	
2.5	+ Quỹ khác (94000)	-			-	
Tổng cộng		**172.614.154**	**-**	**5.197.928**	**167.416.226**	

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG

Tài khoản: 7100525784 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Tiền Giang (BIDV).

STT	TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh có (thu)	Phát sinh nợ (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
3.1	Tiền gửi từ thiện : 7100.525.784	500.000.000	-	-	500.000.000	
3.2	Tiền gửi từ thiện (không kỳ hạn):	230.032.823	939.141		230.971.964	Phát sinh tăng: +Tiền lãi: 39.141đ + Khách từ thiện ủng hộ: 900.000đ Phát sinh giảm:
Tổng cộng		**730.032.823**	**939.141**	**-**	**730.971.964**	

4. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến 31/8/2026)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
4.1	TM-1111.1: Tiền mặt tự chủ	-	18.100.000	18.100.000	-	
4.2	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	2.665.600	125.798.186	125.417.386	3.046.400	Thu, chi tiền nằm viện của ĐT
4.3	TM-1111.3: Quỹ từ thiện	36.428.153	128.500.000	72.645.000	92.283.153	+ thu từ thiện hỗ trợ: 13.500.000đ + thu tạm ứng: 115.000.000đ + chi tiền ăn., tiền dịch vụ.... 72.645.000đ
4.4	TM-1111.4: Tiền mặt tiền gửi (tiền gửi kho bạc rút về chi Phúc lợi)	-			-	
4.5	TM111.5: Dịch vụ	-			-	Nộp trả NSNN
4.6	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	6.578.700	4.800.000	4.109.650	7.269.050	
4.7	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	140.629.200		4.140.000	136.489.200	
Tổng cộng		**186.301.653**	**277.198.186**	**224.412.036**	**239.087.803**	

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến ngày công khai	Ghi chú
5.1	TM-1111.1: Tiền mặt tự chủ	-	1.988.000	1.488.000	500.000	Thu, chi tiền nộp thanh tỉnh
5.2	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	3.046.400	190.400	-	3.236.800	
5.3	TM-1111.3: Quỹ từ thiện	92.283.153	8.000.000	2.230.000	98.053.153	Thu hoàn ứng: 8.000.000tr Chi ứng tiền mua đồ dùng đt, nằm viện
5.4	TM-1111.4: Tiền gửi KB: rút TM về chi (PL)	-			-	
5.5	TM111.5: Dịch vụ	-	-	-	-	
5.6	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	7.269.050	2.400.000	-	9.669.050	
5.7	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	136.489.200		1.200.000	135.289.200	
	Tổng cộng	**239.087.803**	**12.578.400**	**4.918.000**	**246.748.203**	

Ngày 10 tháng 09 năm 2026

Người báo cáo

Nguyễn Thị Hoài Trang

Thủ trưởng đơn vị

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TIỀN GIANG

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Sĩ